

Bản án số: **316/2023/HS-ST**.
Ngày 29 - 6 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Phi.

Bà Lưu Kim Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Như Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 307/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1979, tại Thành phố H (có mặt); Nơi đăng ký thường trú: Ấp Tr1, xã Tr, thị xã H, tỉnh N; Chỗ ở hiện nay: Ấp Lộ Đức, xã H3, huyện Tr, tỉnh Đ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam, con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị C (đã chết); chung sống như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) với bà Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1965; có 01 con chung với chị Phạm Trúc H1, sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 09/7/2013, T bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K (Bản án số: 42/2013/HSST) xử phạt 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung 2009. Ngày 08/5/2014, T chấp hành xong bản án.

Bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 20/10/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Hoàng Tuấn K1**, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/ Ông **Hoàng Anh Đ1**, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 1041/62/59/47/5, đường Trần Xuân Soạn, khu phố 5, phường T1, quận 7, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T là người sử dụng trái phép chất ma túy. T thuê trọ sống chung với bà Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1965, đăng ký thường trú tại 16/75/12, đường Nguyễn Thiện Thuật, phường 2, Quận 3, thành phố H ở phòng trọ thuộc ấp Lộ Đức, xã H3, huyện Tr, tỉnh Đ.

Khoảng 12 giờ 00 ngày 20/10/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 59C2-601.50 chở bà L đi từ phòng trọ của T đến khu vực quận 10, thành phố H để mua ma túy (T không nói cho bà L biết việc T đi mua ma túy). Khi gần đến địa điểm mua ma túy, T để bà L ngồi quán nước ven đường, còn T điều khiển xe mô tô chạy vào đường hẻm khu vực quận 10 và sử dụng điện thoại di động Samsung có số thuê bao số 0902. 832.951 gọi điện liên lạc với người thanh niên (không rõ lai lịch) hỏi mua ma túy. Sau đó, T mua 01 gói ma túy (Heroin) của người thanh niên trên, với giá 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) và cất giấu ở trong cốp xe mô tô biển số 59C2-601.50 mục đích để sử dụng dần. Sau khi mua được ma túy, T xóa số điện thoại người bán ma túy cho T và điều khiển xe mô tô nêu trên quay lại quán nước gặp bà L. Bà L không biết T cất giấu ma túy trong cốp xe mô tô biển số 59C2-601.50.

Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 59C2-601.50 chở bà L về đến đoạn đường Quốc lộ 1 thuộc khu phố 11, phường A, thành phố B, tỉnh Đ thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đ phối hợp cùng Công an phường A, thành phố B kiểm tra phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

* Vật chứng, tài sản, đồ vật thu giữ của Nguyễn Ngọc T, gồm:

- 01 gói nylon hàn kín có kích thước 04 x 08cm, bên trong chứa chất rắn màu trắng (T khai là heroin) được niêm phong có chữ ký của Nguyễn Ngọc T.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 10, số imei: 358777101179647 của Nguyễn Ngọc T sử dụng liên lạc mua ma túy.

- 01 (một) xe mô tô biển số 59C2-601.50 Nguyễn Ngọc T khai, xe mô tô biển số 59C2-601.50 là tài sản của bà Nguyễn Thị Minh L giao cho T sử dụng. Bà L khai tháng 9 năm 2022, bà L mua xe mô tô biển số 59C2-601.50 tại cửa hàng mua bán xe ở thành phố H với giá 26.000.000đồng (Hai mươi sáu triệu đồng), có làm giấy tờ mua bán xe, hiện đã làm mất. Quá trình điều tra, xác định: Xe mô tô biển số 59C2-601.50 là tài sản của anh Hoàng Tuấn K1, sinh năm 1981, cư trú tại 1041/62/59/47/5, đường Trần Xuân Soạn, T1, Quận 7, thành phố H. Ngày 28/4/2022, anh K1 giao xe mô tô trên cho anh Hoàng Anh Đ1 (em ruột anh K1) sử dụng đi làm việc tại phường B1, thành phố Th, thành phố H thì bị mất trộm. Do xe mô tô trên liên quan đến tang vật trong vụ trộm cắp tài sản nên

ngày 22/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã bàn giao xe mô tô biển số 59C2-601.50 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Th, thành phố H để xử lý theo quy định của pháp luật.

* Tại Kết luận giám định số 2208/KL-KTHS ngày 26/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Đ đã kết luận:

“Mẫu chất rắn màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 18,7020 gam, loại: Heroin (Heroine)”.

Bản cáo trạng số: 319/CT-VKSBH ngày 30/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 07 (bảy) năm tù đến 08 (tám) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Số lượng ma túy Cơ quan điều tra thu giữ còn lại sau giám định.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 10, số imei: 358777101179647 của bị cáo Nguyễn Ngọc T sử dụng liên lạc mua ma túy.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 18 giờ 00 phút ngày 20/10/2022, tại đoạn đường Quốc lộ 1, thuộc khu phố 11, phường A, thành phố B, tỉnh Đ, bị

cáo Nguyễn Ngọc T có hành vi tàng trữ trái phép 18,7020 gam ma túy, loại Heroin thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đ phối hợp cùng Công an phường A, thành phố B kiểm tra phát hiện, bắt quả tang.

Tại Kết luận giám định số: 2208/KL-KTHS ngày 26/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Đ đã kết luận:

“Mẫu chất rắn màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 18,7020 gam, loại: Heroin (Heroine)”.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và là một trong những nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm cũng như các tệ nạn xã hội khác. Bản thân bị cáo biết rõ việc tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy pháp luật nghiêm cấm, nhưng để có ma túy sử dụng, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật. Nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: không.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 09/7/2013, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K xử phạt 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung 2009.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong số: 2208 ngày 26/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 10, số Imei: 358777101179647 của bị cáo Nguyễn Ngọc T sử dụng liên lạc mua ma túy.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ).

[6] Đối với xe mô tô biển số 59C2-601.50, bị cáo Nguyễn Ngọc T khai, xe mô tô biển số 59C2-601.50 là tài sản của bà Nguyễn Thị Minh L giao cho bị cáo T sử dụng. Tháng 9 năm 2022, bà L mua xe mô tô biển số 59C2-601.50 tại cửa hàng mua bán xe ở thành phố H với giá 26.000.000đồng (Hai mươi sáu triệu đồng), có làm giấy tờ mua bán xe, hiện đã mất giấy tờ. Quá trình điều tra, xác định xe mô tô biển số 59C2-601.50 là tài sản của ông Hoàng Tuấn K1, sinh năm 1981, cư trú tại 1041/62/59/47/5, đường Trần Xuân Soạn, phường T1, quận 7,

thành phố H. Ngày 28/4/2022, ông K1 giao xe mô tô trên cho ông Hoàng Anh Đ1 (em ruột ông K1) sử dụng đi làm việc tại phường B1, thành phố Th, thành phố H thì bị mất trộm. Do xe mô tô trên liên quan đến tang vật trong vụ trộm cắp tài sản ngày 22/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã bàn giao xe mô tô biển số 59C2-601.50 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Th, thành phố H để xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với người thanh niên (chưa rõ nhân thân lai lịch) đã bán ma túy cho bị cáo T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2022.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong số: 2208 ngày 26/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 10, số Imei: 358777101179647 của bị cáo Nguyễn Ngọc T sử dụng liên lạc mua ma túy.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP. B (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Dung